

SONGNGOC CONSTRUCTION

公司简介

SONG NGỌC 机械建筑有限责任公司

质量铸就信任

Quality Builds Trust

VP-2-09，2楼，St. Moritz 大厦，Phạm Văn Đồng 路 1014 号，Hiệp Bình 坊，胡志明市
Tel 0868 937 699 · songngoc.vn

ISO 9001:2015 · ISO 45001:2018

2026

CONTENTS

目录

01 **公司介绍** 03
Company introduction & vision

02 **资质证书与管理体系** 08
Licenses, certificates & management system

03 **人员与资源** 10
Organization, key personnel, workforce & equipment

04 **经营领域与业务区域** 17
Services & project locations

05 **代表性项目** 19
港口与水工工程 23 · 工厂与工业 33 · 能源与油气 44 · 民用与特殊工程 48

06 **客户与社区** 53
Clients, recognition & community

07 **联系方式** 59
Offices & contact

关于 SONG NGỌC

十余年打造持久耐用的工程

SONG NGỌC 机械建筑有限责任公司成立于2013年，营业执照号 0312260211，由胡志明市计划投资厅核发。

业务涵盖民用、工业、交通及水利工程施工；室内外装饰设备与建筑材料买卖；运输工具及原材料的买卖与租赁。

经验丰富的骨干团队已参与国内外投资商与承包商的众多大型项目。Song Ngọc 不断提升管理水平与工程质量，与业主、承包商及客户建立信誉与长期合作关系——这是我们的奋斗目标与宗旨。







2013 成立年份	**0312260211** 企业代码	**ISO 9001 · 45001** 管理体系	**22 个地区** 国内及国际

发展历程 · MILESTONES

2013年至今的发展历程

2013 公司在胡志明市成立（2013年5月4日）。

2015 设计并施工岘港 Galavina 酒店。

2017 Aureumaex Precision Plastics 工厂，胡志明市高科技园区。

2019 平阳 VSIP 工厂群：Jakob、Techbond、Chain Yarn。

2021 Long Sơn 石化港；Trà Vinh、Hòa Bình 1 风机基础。

2022 成立十周年；Rạch Bà Lớn 护岸，Cà Mau 1、Lạc Hòa 风电场。

2024 VARD Vũng Tàu 5,000 DWT 码头改造升级。

2026 Mỹ Thủy 港、Bàn Thạch、Minh Phú 1 及 TMVI Bắc Ninh 服装厂开工。







MISSION · VISION · CORE VALUES

使命、愿景与核心价值观

使命

为客户的每个项目带来信任与满意。

愿景

成为越南海上与工业工程施工领域的领先品牌。

核心价值观 · CORE VALUES

信誉
Prestige

履行所有承诺。

共赢
Benefit

公司的成功与每位成员的成长紧密相连；与客户及合作伙伴建立共赢关系。

专业
Professional

以高度的责任感和专业作风开展工作。

创新
Creativity

不断创新、改进施工方案，以取得最佳成效。



WHY CHOOSE SONG NGOC

选择 Song Ngọc 的六大理由

01 10年以上经验

承建工厂基础设施、堤岸护坡与海港工程——深受合作伙伴信赖与好评。

02 国际标准团队

全体人员均具备国际环境及涉外项目的工作经验。

03 国内外合作

参与众多项目，与国内外合作伙伴协同配合。

04 安全第一

在 Song Ngọc 参与的每个项目中，安全、健康与环境均为首要任务。

05 ISO 质量管理

严格遵循 ISO 标准的质量管理流程，确保工程质量兑现承诺。

06 灵活、专业

管理灵活，与项目所有相关方密切协作。



SONG NGOC IN NUMBERS

Song Ngọc 数字一览

13
年从业经验
（2013年成立）

35
名工程师及骨干人员

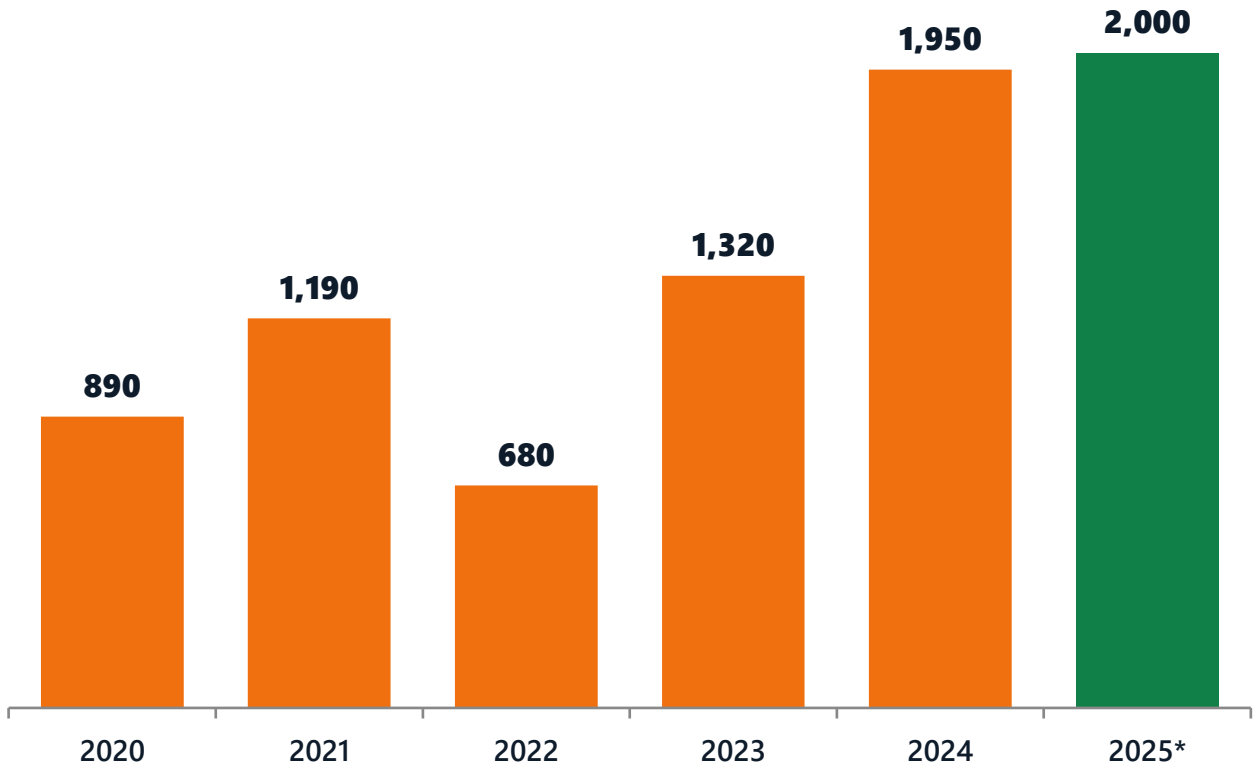
250
名工人，分属5支施工班组

47
个代表性项目（见名录）

22
个地区：20个省/市
及2个邻国

>1.34万亿
越南盾 · 合同总额
代表性项目合计

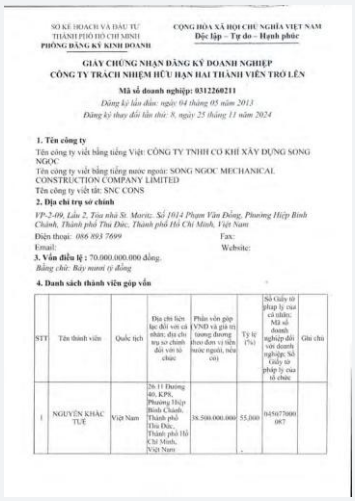
营收 2020–2025 · 亿越南盾



* 2025年：营收目标 2,000亿越南盾。

LICENSES & CERTIFICATES

许可证与能力证书



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0312260211

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 05 năm 2013
Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 25 tháng 11 năm 2024

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG SONG NGỌC
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG NGOC MECHANICAL CONSTRUCTION COMPANY LIMITED
Tên công ty viết tắt: SNC CONS
2. Địa chỉ trụ sở chính
VP-2-09, Lầu 2, Tòa nhà St. Moritz, Số 1014 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 086 893 7699 Fax:
Email: Website:
3. Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng.
Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng
4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC TUỆ	Việt Nam	26.11 Đường 40, KP8, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	38.500.000.000	55,000	045075000067	

企业登记证（税号 0312260211）



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: HCM-00058715

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1605/QĐ-SXD-QLNGXD ngày 19/11/2021)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG SONG NGỌC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0312260211
Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 04/5/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17/02/2020;
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: Nguyễn Khắc Tuệ Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Số 873 Quốc lộ 13, khu phố 1, phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 0868937699 Số fax:
Email: Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:
1. Thi công công tác xây dựng công trình:
+ Dân dụng: Hạng II;
+ Nhà công nghiệp, công nghiệp năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hạ tầng kỹ thuật, giao thông (đường bộ, cầu; đường thủy nội địa - hàng hải): Hạng III;
2. Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình dân dụng, nhà công nghiệp: Hạng III.
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 19/11/2031./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2021
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Huỳnh Thanh Khiết

建筑活动能力证书 — 胡志明市建设厅



SỞ XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: DON-00058715
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 189/QĐ-SXD ngày 11/10/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng Đồng Nai)

Tên tổ chức: Công ty TNHH Cơ khí xây dựng Song Ngọc.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0312260211..
Ngày cấp: 04/05/2013
Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM.
Tên người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Khắc Tuệ. Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: VP-2-09, Lầu 2, Tòa nhà St. Moritz, Số 1014 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành Phố Thủ Đức, TPHCM.
Số điện thoại: 0868937699
Email: songngoc.nmc@gmail.com
Phạm vi hoạt động xây dựng:
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình:
+ Dân dụng - Hạng III.
- Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình:
+ Dân dụng - Hạng III.
+ Công nghiệp - Hạng III.
+ Hạ tầng kỹ thuật - Hạng III.
+ Giao thông - Hạng III.
- Thi công công tác xây dựng công trình:
+ Nhà Công nghiệp - Hạng II.
+ Hạ tầng kỹ thuật: Tuyến cấp nước, tuyến thoát nước - Hạng II.
+ Giao thông: Đường bộ, đường thuỷ nội địa - Hạng II.
- Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình - Hạng II.
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 10/10/2032./.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 10 năm 2022
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Dũng

建筑活动能力证书 — 同奈省建设厅



UBND TỈNH BẠC LIÊU
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: BAL-00058715

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-SXD ngày 30/01/2024)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG SONG NGỌC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0312260211
Ngày cấp: Đăng ký lần đầu ngày 04/05/2013; thay đổi lần thứ 6 ngày 16/03/2023.
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: Nguyễn Khắc Tuệ Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: VP-2-09, Lầu 2, Tòa nhà St. Moritz, Số 1014 Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 0868937699 Số fax:
Email: Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:
1. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường thủy nội địa, hàng hải), Hạng III.
2. Thi công công tác xây dựng công trình: Giao thông (thông hầm), công nghiệp năng lượng (đường dây và trạm biến áp), Hạng II.
3. Thi công công tác xây dựng công trình Công nghiệp (dầu khí), Hạng III. Công nghiệp năng lượng (điện gió, điện mặt trời), Hạng III.
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 30/01/2034.

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 01 năm 2024
GIÁM ĐỐC
Huỳnh Quốc Ca

建筑活动能力证书 — 薄辽省建设厅



ISO 9001:2015 — 质量管理体系（NQA）



ISO 45001:2018 — 职业健康安全（NQA）



Song Ngọc 成立十周年庆典（2022）

管理体系认证

ISO 9001:2015

ISO 45001:2018

质量与职业健康安全管理，在所有工地一贯执行。

QUALITY · HEALTH · SAFETY · ENVIRONMENT

质量与安全：首要任务

1 **ISO 质量管理**

严格遵循 ISO 标准（ISO 9001:2015）的质量管理流程，确保工程质量，兑现对业主的承诺。

2 **安全 – 健康 – 环境**

安全、健康与环境是所有项目的首要任务（ISO 45001:2018）。“安全至上”——没有任何项目值得以人的安全为代价。

3 **国际标准团队**

全体人员均曾在国际环境及涉外项目（日本、韩国等）中工作。

4 **灵活协作**

管理灵活，与业主、总承包商、监理咨询及各相关方密切配合。

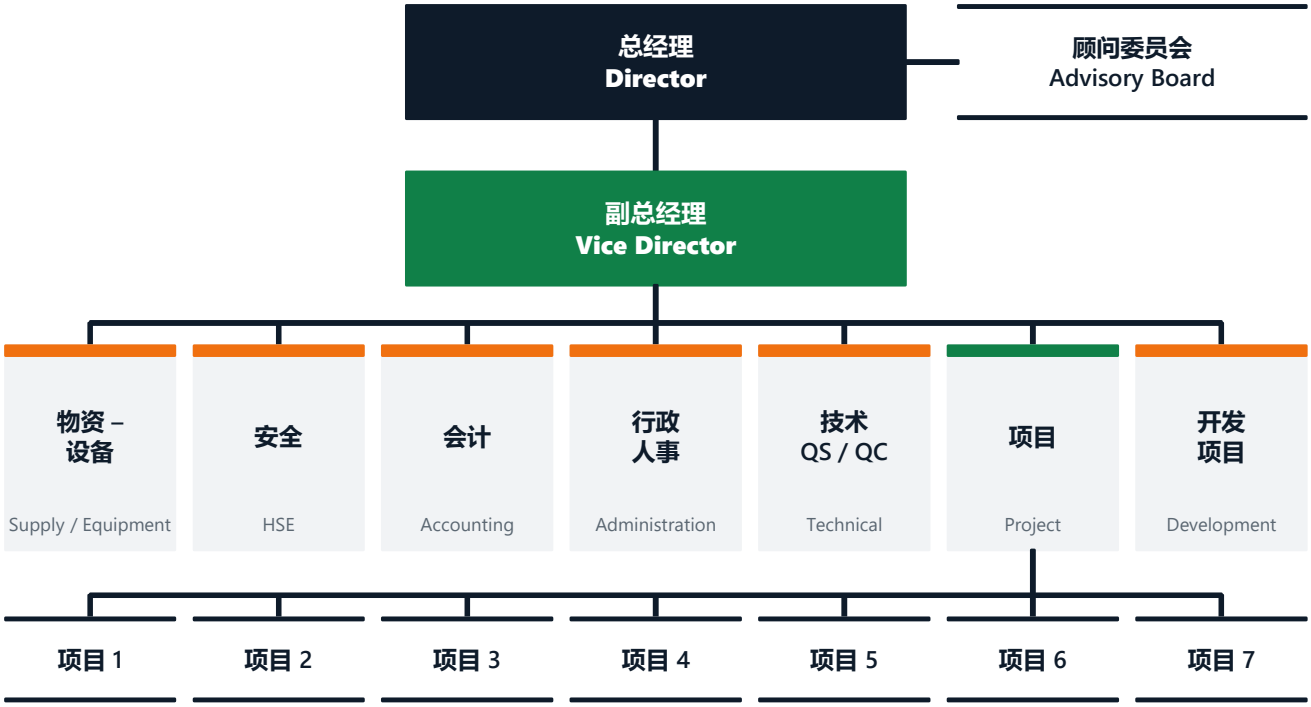






ORGANIZATION CHART

公司组织架构





LEADERSHIP · 1/2

Song Ngọc 领导层



NGUYEN KHAC TUE

总经理 · Director

2013年前：Nguyễn Đức 建筑有限责任公司副总经理；Hoàng Liên Sơn 建筑有限责任公司现场经理。
2013年至今：SONG NGỌC 机械建筑有限责任公司总经理。

土木工程师 · 18年经验



TRUONG THANH TRIEU

副总经理 · Vice Director

2013年前：Hoàng Liên Sơn 建筑有限责任公司现场经理。
2013年至今：SONG NGỌC 机械建筑有限责任公司副总经理。

土木工程师 · 16年经验



NGUYEN VAN THANG

项目施工经理 · Project Manager

2018年前：Khang Đức 投资建设股份公司现场经理。
2018年至今：Song Ngọc 项目施工经理。

土木工程师 · 14年经验



CAI HUU TRI

技术部经理 · Technical Manager

2019年11月前：新技术设计建设有限责任公司投标部经理；承天顺化建筑安装股份公司南方分公司技术部经理。
2019年11月至今：Song Ngọc 技术部经理。

土木工程师 · 9年经验

LEADERSHIP · 2/2

核心管理团队



CHOI WONHYUK

项目开发经理 · Director, Project Development

2023年前：曾在韩国、香港、中国内地及越南工作。
2023年至今：Song Ngọc 项目开发经理。

机械学士（韩国） · 15年经验



TRUONG THI LAC

总会计师 · Chief Accountant

2019年前：Vinson 技术有限责任公司会计；Việt Thái Thịnh 技术有限责任公司总账会计。
2019年至今：Song Ngọc 总会计师。

经济学学士 · 8年经验



NGUYEN HUU LUYEN

现场经理 · Site Manager

2022年前：Penta Ocean Penta-Rinkai JV 现场工程师；Obayashi Corp.（日本）总工程师；Khang Hy JSC、Băng Dương E&C 工程经理。
2022年至今：Song Ngọc 现场经理。

土木工程师 · 10年经验



PHAM THANG THIEN

QS、QC 工程师 · QS, QC Engineer

2022年前：Sino Pacific（QA/QC）；Định Tân 投资建设股份公司（QA/QC/QS/施工图）；中国建筑有限责任公司（QA/QC）。
2022年至今：Song Ngọc QS/QC 工程师。

土木工程师 · 9年经验

KEY PERSONNEL

35 名工程师及骨干人员

#	姓名	职务 · 学历/职称	年资
1	NGUYEN KHAC TUE	总经理 土木工程师	18年
2	TRUONG THANH TRIEU	副总经理 土木工程师	16年
3	NGUYEN VAN THANG	项目经理 土木工程师	14年
4	CAI HUU TRI	技术部经理 土木工程师	9年
5	CHOI WONHYUK	项目开发经理 机械学士（韩国）	15年
6	NGUYEN HUU LUYEN	现场经理 土木工程师	10年
7	PHAM THANG THIEN	QS、QC 工程师 土木工程师	9年
8	LE VAN HUY	现场经理 土木工程师	10年
9	NGUYEN TIEN LAM	现场经理 桥梁道路工程师	13年
10	TRUONG THI LAC	总会计师 经济学学士	8年
11	LE VAN TOAI	工程师 土木工程师	9年
12	VO TRUNG HIEU	工程师 土木工程师	8年
13	NGUYEN THI NGOC NO	行政、人事 经济学学士	8年
14	PHUNG THI MY SANG	行政人事 人力资源管理学士	2年
15	TRUONG VAN LY	技术、QS、QC 土木工程师	2年
16	NGUYEN KHAC TUAN DAT	物资	3年
17	VO THANH PHONG	技术、QS、QC 土木工程师	10年
18	LE VAN PHUONG	工程师 土木工程师	9年
19	NGUYEN KHAC TIEN DAT	工程师 土木工程师	6年
20	LE THANH TUAN	工程师 土木工程师	5年
21	VO HOANG BUU	工程师 土木工程师	2年
22	THAI PHONG VU	工程师 土木工程师	9年
23	NGUYEN MINH TUAN	工程师 安全工程师	6年
24	HUYNH ANH HOANG	物资 机械学士	6年
25	LE DUC PHUONG	测量工程师 测量工程师	7年
26	PHAN MINH KHAI	工程师 土木工程师	2年
27	NGUYEN VAN TRUNG	工程师 安全工程师	9年
28	NGUYEN HUU NGHIA	工程师 土木工程师	5年
29	NGUYEN CONG QUOC LONG	工程师 土木工程师	6年
30	NGUYEN ANH PHUONG	工程师 土木工程师	9年
31	LE KHAC HANH	工程师 土木工程师	5年
32	LE NGOC THANH	工程师 土木工程师	9年
33	NGUYEN TRONG HOANG	工程师 土木工程师	10年
34	NGUYEN DUC LOC	工程师 安全工程师	6年
35	NGUYEN VAN ANH	工程师 土木工程师	6年

人员姓名与原档案一致；年资 = 从业年数。

STAFF & MANPOWER

五支施工班组 · 250 名工人

80 人	**模板班组** · Formwork 高层建筑、工业厂房模板；码头、桥墩及基础设施模板。
70 人	**钢材班组** · Rebar & steel 钢筋加工与安装；钢结构加工与安装。
40 人	**混凝土班组** · Concrete 安装预制混凝土构件、码头梁及排水系统；混凝土浇筑与抹面。
40 人	**装修班组** · Finishing 砌筑、抹灰、油漆、铺贴瓷砖等。
20 人	**普工** · General labor 现场杂务及一般辅助工作。

工人投入数量视各项目工作范围而定。






EQUIPMENT FLEET

施工设备

设备	规格/功率	品牌	SL
混凝土搅拌机	250L, 350L	Hòa Phát, HD	**10套**
混凝土破碎机	Base 0.7	Hitachi	**4台**
电焊机	200A, 250A, 315A	Hồng Ký	**7台**
振捣器	2HP/220V, 5HP	中国、新加坡	**5台**
高压清洗机	5HP-380V, 5HP-220V	日本	**4套**
钢材切割机	Ø6 – Ø42 mm	日本	**4台**
钢材切割机	Ø350 mm	Makita, Bosch	**4台**
钢筋弯曲机	Ø6 – Ø40 mm	日本	**5台**
钢筋调直机	Ø8 – Ø10 mm	中国	**4台**
角磨机	670W, 800W	Makita, Bosch	**10台**
电钻	1.5 – 13 mm, 800W	Makita, Bosch	**5台**
瓷砖切割机	1200W	Makita	**2台**
混凝土抹光机	50–100 转/分	Mikasa	**2台**
蛙式打夯机	600–695 mins	Mikasa	**10台**
水泵	24–60 m^3/h	Honda	**10台**
脚手架	H = 1.7 m; 1.5 m; 0.9 m	Hòa Phát	**40套**
支撑杆	L = 1 m, 2 m, 3 m	Saki	**3,000 根**
集装箱	20 feet	Tân Thành	**5个**

设备	规格/功率	品牌	SL
链条葫芦	3吨、5吨	日本	**10台**
全站仪	—	Nikon	**1台**
全站仪	—	Leica	**1台**
水准仪	—	Sokkia	**4台**
卷扬机	2T – 100 m	Kio Winch	**5台**
挖掘机	0.7 m^3	Hitachi	**1台**
挖掘机	0.5 m^3	Hitachi	**1台**
挖掘机	0.5 m^3	Komatsu	**2台**
挖掘机	0.9 m^3	Kobelco	**1台**
推土机	D30–50	Solar	**1台**
随车吊	8吨	Hino	**1台**
随车吊	15吨	Daewoo	**1台**
发电机	100 KVA	Cummins	**3台**
发电机	10 KVA	Cummins	**4台**
起重驳船	622.2吨（SG.8824）	南定 – 2016	**1台**
履带起重机	50吨（50XA-3638）	Sumitomo S218RH-5	**1台**
履带挖掘机	0.7 m^3 (50XA-5894)	Hitachi	**1台**
振动压路机	8吨	Bomag	**1台**

主要设备清单；Song Ngọc 另根据项目规模调用外租设备。

EQUIPMENT IN ACTION

主力设备：履带起重机、驳船、挖掘机













622吨
起重驳船

50吨
Sumitomo 履带起重机

3,000
支撑杆 · 40 套脚手架

36
主要设备

FIELDS OF OPERATION

八大经营领域



01

码头与水工工程

码头、内河码头、护岸工程、打桩、拉森钢板桩及预应力混凝土板桩。



02

厂房与工业工程

工厂、钢结构及混凝土厂房；从设计到竣工的 EPC 一体化施工。



03

基础设施与机械施工

工业区场地平整、地基处理、道路及技术基础设施。



04

能源

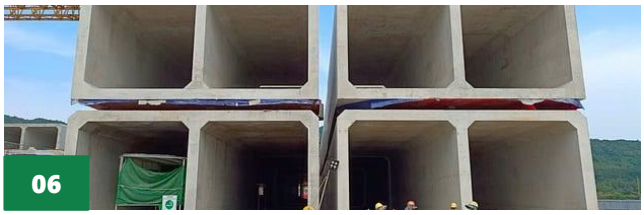
海上及沿海风机基础；预制涵洞及火电厂辅助工程。



05

民用与商业

住宅、办公楼、酒店、娱乐区；室内外装修。



06

预制构件

为工业及基础设施工程生产、供应并安装预制混凝土构件。



07

海洋防腐

海洋环境、港口及栈桥中的结构防护处理。



08

设备与人力供应

出租施工设备与运输工具，并按工地需求提供劳务。

PROJECT LOCATIONS

业务遍布南北及海外



北部及北中部

- 清化省
- 河静省
- 北宁省

中部

- 广治省
- 岘港市
- 广义省
- 林同省
- 平顺省

东南部

- 胡志明市
- 巴地头顿省
- 同奈省
- 平阳省
- 平福省
- 西宁省

西南部

- 隆安省
- 芹苴市
- 安江省（Châu Đốc）
- 茶荣省
- 薄辽省
- 金瓯省

国际

- 沙湾拿吉（老挝）
- 西哈努克港（柬埔寨）









05

代表性项目

47 个项目 · 合同额逾 1.34万亿越南盾

2013年至今的 47 个代表性工程：港口与水工工程、工厂、能源及民用建筑——施工遍及南北中三大区域。

- Mỹ Thủy 港区
- Bàn Thạch 综合及集装箱码头
- IMG Phước Đông — Phước Đông 码头工业区群
- Minh Phú 1 内河港口
- TMVI Bắc Ninh 服装厂
- 西贡河人行桥 — 工艺平台

FLAGSHIP PROJECTS 2026

六大在建重点项目



Mỹ Thủy 港区

广治省 · 分包商

1号、2号泊位结构标段（XL 02、XL 04.1）



Bàn Thạch 综合及集装箱码头

胡志明市 · 总承包商

护岸工程



IMG Phước Đông — Phước Đông 码头工业区群

西宁省 · 总承包商

预应力混凝土板桩护岸施工，Hòa Phát 区域 — B8–C2 段（长 1.8 km）



Minh Phú 1 内河港口

西宁省 · 总承包商

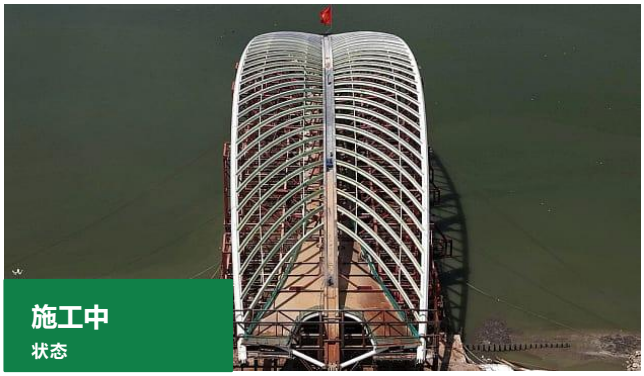
材料供应及施工 — Minh Phú 1 内河港口建设标段



TMVI Bắc Ninh 服装厂

北宁省 · 总承包商

从场地平整到装修及设备安装



西贡河人行桥 — 工艺平台

胡志明市 · 分包商

工艺平台工程施工

PROJECT LIST · 1/2

代表性工程名录（1/2）

#	工程项目	地点	业主	角色	合同额（亿越南盾）	状态
1	**Minh Phú 1 内河港口**	西宁省	Minh Phú – Long An 钢铁股份公司	总承包商	—	**施工中**
2	**TMVI Bắc Ninh 服装厂**	北宁省	TMVI 生产有限责任公司	总承包商	—	**施工中**
3	**Bàn Thạch 综合及集装箱码头**	胡志明市	Bàn Thạch 海事旅游服务股份公司	总承包商	**1,079**	**施工中**
4	**Mỹ Thủy 港区**	广治省	Mỹ Thủy 港国际合资股份公司（MTIP）	分包商	**248.4**	**施工中**
5	**IMG Phước Đông — Phước Đông 码头工业区群**	西宁省	IMG Phước Đông 股份公司	总承包商	**331**	**施工中**
6	**西贡河人行桥 — 工艺平台**	胡志明市	胡志明市重点基础设施项目	分包商	—	**施工中**
7	**Hồng Thuận Phong 商品住宅 — 一期**	西宁省	Hồng Thuận Phong 商品住宅项目	总承包商	—	**施工中**
8	**Greenpro 涂料、防水及建材厂**	岘港市	Greenpro Material 股份公司	总承包商	**501.1**	2026
9	**Đại Dũng Vũng Tàu 高科技机械厂**	胡志明市	Đại Dũng 造船股份公司	总承包商	**155.6**	**施工中**
10	**B 区块气田平台陆上建造 — Vietsovpetro**	胡志明市	越俄合资企业 Vietsovpetro	总承包商	**60.3**	**施工中**
11	**Hưng Thành Sơn 工厂**	广治省	Hưng Thành Sơn 有限责任公司	EPC	**300**	**施工中**
12	**护岸工程 — An Phước Sài Gòn 居民区**	西宁省	Sài Gòn Xanh 进出口股份公司	总承包商	**196.4**	06/2026
13	**Amigos 1 车间扩建 — VARD Vũng Tàu**	头顿市	VARD Vũng Tàu 有限责任公司	总承包商	**125.7**	2025
14	**Việt Pan – Pacific Thanh Hóa 服装厂（三期）**	清化省	TMVT 生产有限责任公司	EPC	**509.6**	2025
15	**GAP AGRO 工厂**	隆安省	GAP AGRO 有限责任公司	总承包商	**951.6**	05/2025
16	**Tân Bình 公寓项目样板房及管理办公楼**	平阳省	Phúc Gia An 房地产投资有限责任公司	总承包商	**82.7**	03/2025
17	**Dung Quất 港口建设与维修**	广义省	PTSC Quảng Ngãi	总承包商	**101.3**	12/2024
18	**Golfzon 综合娱乐区 — 平阳新城**	平阳省	Natural Beauty Korea (NBK) 有限责任公司	EPC	**200**	11/2024
19	**芹苴辐照厂**	芹苴市	芹苴辐照股份公司	分包商	**175.4**	11/2024
20	**冷却水排放管维修 — Vĩnh Tân 4 火电厂**	平顺省	Vĩnh Tân 4 火电公司 – EVN GENCO 3	总承包商	**51.3**	08/2024
21	**5,000 DWT 码头 — VARD Vũng Tàu**	头顿市	VARD Vũng Tàu 有限责任公司	总承包商	**1,307**	09/2024
22	**道路及内河码头 — Gold Coin Feedmill Long An**	隆安省	Gold Coin Feedmill Đồng Nai…	分包商	**213.8**	07/2024
23	**新办公楼 — VARD Vũng Tàu**	头顿市	VARD Vũng Tàu 有限责任公司	总承包商	**103.3**	07/2024
24	**Vũng Áng II 火电厂**	河静省	Vũng Áng II 火电公司	分包商	**187.9**	08/2024

Song Ngọc 合同额（四舍五入，单位：亿越南盾）。 “—”：尚未公布。

PROJECT LIST · 2/2

代表性工程名录（2/2）

#	工程项目	地点	业主	角色	合同额（亿越南盾）	状态
25	**内河码头 — Thagri Long An 饲料厂**	隆安省	Thagri Long An 饲料有限责任公司	分包商	**360.5**	06/2024
26	**Louvre 高档织物印染厂**	西宁省	Louvre 纺织有限责任公司	分包商	**261.2**	09/2023
27	**VARD Vũng Tàu 工厂扩建**	头顿市	VARD Vũng Tàu 有限责任公司	总承包商	**1,051**	06/2023
28	**HUTECH 高科技研究院训练场**	胡志明市	HUTECH 高科技研究院	总承包商	**153.2**	04/2023
29	**SP-ITC 国际集装箱港**	胡志明市	国际运输贸易股份公司（ITC）	总承包商	**203.7**	02/2023
30	**Lạc Hòa 2 风电场**	朔庄省	T&T 集团股份公司	分包商	**405.8**	12/2022
31	**Cà Mau 1 风电场**	金瓯省	WTO 建设贸易股份公司	分包商	**126.4**	10/2022
32	**Rạch Bà Lớn 护岸工程 — 胡志明市经济金融大学**	胡志明市	胡志明市经济金融大学	分包商	**480.4**	03/2022
33	**Fortunate Fashion（香港）越南服装厂**	西宁省	Fortunate（香港）越南时装有限责任公司	分包商	**187.1**	03/2022
34	**Trà Vinh V1.3 风电场**	茶荣省	REE 集团	分包商	**283.5**	10/2021
35	**Hòa Bình 1 风电场**	薄辽省	Hòa Bình 1 风电股份公司	分包商	**595.8**	08/2021
36	**Long Sơn 石化港（LSP）**	巴地头顿省	Long Sơn 炼油化工有限责任公司	分包商	**612**	02/2021
37	**南方石化综合体（LSP）运营办公楼**	巴地头顿省	Long Sơn 炼油化工有限责任公司	分包商	**149.6**	01/2021
38	**管道预制车间 — 南方石化综合体（A1 标段）**	巴地头顿省	Long Sơn 炼油化工有限责任公司	分包商	**88.2**	01/2021
39	**污水处理池 — Sunrise 工厂**	西宁省	Sunrise 纺织服装有限责任公司	分包商	**166.5**	06/2020
40	**SSA 国际港（SSIT）**	巴地头顿省	西贡港国际集装箱服务合资有限责任公司	分包商	**76.3**	03/2020
41	**Südwolle 羊毛纺纱厂**	林同省	Südwolle 集团	分包商	**118**	05/2019
42	**Jakob 工厂 — VSIP 2A**	平阳省	Jakob Sài Gòn 有限责任公司	分包商	**106.2**	05/2019
43	**Techbond MFG Việt Nam 胶粘剂厂**	平阳省	Techbond MFG Việt Nam 公司	分包商	**74.8**	2019
44	**污水处理区 — Chain Yarn 工厂**	平阳省	Chain Yarn Việt Nam 有限责任公司	分包商	**74.8**	03/2019
45	**Bà Chúa Xứ 灵修旅游区**	安江省	MGA Việt Nam 有限责任公司	分包商	**110**	01/2018
46	**Aureumaex Precision Plastics Việt Nam 工厂**	胡志明市	Aureumaex Precision Pl…	分包商	**776.5**	06/2017
47	**Galavina 酒店 — 岘港**	岘港市	Galavina 公司	分包商	**128.9**	2015

Song Ngọc 合同额（四舍五入，单位：亿越南盾）。 “—”：尚未公布。



5.1

港口与水工工程

12 个项目 · 6,080亿越南盾

Song Ngọc 的核心专长：码头、内河码头、护岸工程、打桩及板桩——以履带起重机、驳船和长臂挖掘机进行水上施工。

- Minh Phú 1 内河港口
- Mỹ Thủy 港区
- Bàn Thạch 综合及集装箱码头
- IMG Phước Đông — Phước Đông 码头工业区群
- 5,000 DWT 码头 — VARD Vũng Tàu
- VARD Vũng Tàu 工厂扩建
- 护岸工程 — An Phước Sài Gòn 居民区
- Rạch Bà Lớn 护岸工程 — 胡志明市经济金融大学

施工中 · 2026

Minh Phú 1 内河港口



65 ha

规模

Minh Phú 1 内河港口 — 西宁省

业主
Minh Phú – Long An 钢铁股份公司

地点
Phước Đông 码头工业区，Tân Lân 社，西宁省

SONG NGỌC 的角色
施工承包商 — 与业主直接签订合同

工程内容
材料供应及施工 — Minh Phú 1 内河港口建设标段

规模
65 ha

工期
施工中

内河水运基础设施，衔接运输并优化区域内企业的物流。业主信任 Song Ngọc，同时承担材料供应与施工，并作出三项承诺：材料质量符合技术标准、按期完工、工地劳动安全与环境卫生。

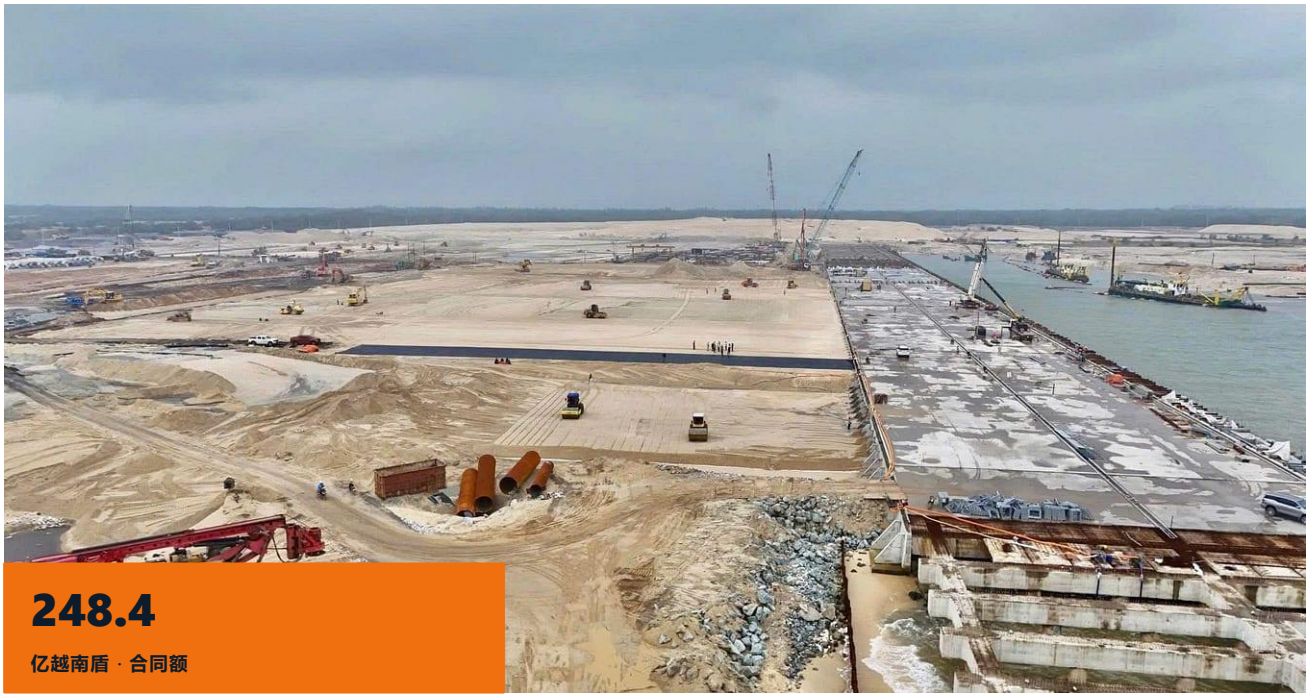






施工中 · 2026

Mỹ Thủy 港区



248.4

亿越南盾 · 合同额

Mỹ Thủy 港区 — 1号、2号泊位结构施工

业主
Mỹ Thủy 港国际合资股份公司（MTIP）

地点
Mỹ Thủy 社，广治省

SONG NGỌC 的角色
Fecon（总承包商）的分包商

工程内容
1号、2号泊位结构标段（XL 02、XL 04.1）

工期
施工中

Song Ngọc 参与 Mỹ Thủy 港区 1号、2号泊位结构施工——这是广治省一个占地 685 ha 的投资建设项目。工地进行打桩、泊位面板混凝土浇筑及构件安装；首艘船舶已靠泊 Mỹ Thủy 国际港。







施工影像 · Mỹ Thủy 港

Mỹ Thủy：从桩基到首艘靠泊船舶













XL 02 与 XL 04.1 标段——1号、2号泊位结构。工地进行打桩、泊位面板混凝土浇筑及构件安装；首艘船舶已靠泊 Mỹ Thủy 国际港。

施工中 · 2026

Bàn Thạch 综合及集装箱码头



1,079

亿越南盾 · 合同额

Bàn Thạch 综合及集装箱码头 — 胡志明市

业主
Bàn Thạch 海事旅游服务股份公司

地点
3号路，Phú Mỹ 2 工业区，Phú Mỹ 坊，胡志明市

SONG NGỌC 的角色
总承包商 — Song Ngọc

工程内容
护岸工程

工期
施工中

Bàn Thạch 综合及集装箱码头护岸工程——Song Ngọc 合同额最大的项目之一。工地同时投入打桩设备、起重机及沿河机械施工队伍。







施工中 · 2026

IMG Phước Đông — Phước Đông 码头工业区群



IMG Phước Đông — Phước Đông 码头工业区群 — 西宁省

业主
IMG Phước Đông 股份公司

地点
5号村，826B 省道，Tân Lân 社，西宁省

SONG NGỌC 的角色
总承包商 — Song Ngọc

工程内容
预应力混凝土板桩护岸施工，Hòa Phát 区域 — B8–C2 段（长 1.8 km）

工期
施工中

沿河预应力混凝土板桩护岸，全长 1.8 km，服务 Phước Đông 码头工业区群。采用履带起重机、驳船和长臂挖掘机进行水上施工——这是 Song Ngọc 的特色优势。

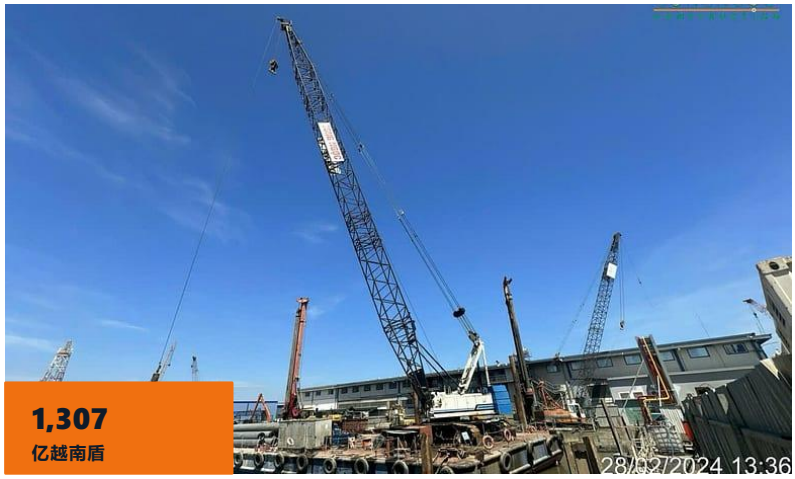






已竣工 · 09/2024 · 总承包商

5,000 DWT 码头 — VARD Vũng Tàu







业主
VARD Vũng Tàu 有限责任公司

合同额
1,306.8亿越南盾

地点
6号路，Đông Xuyên 工业区，Rạch Dừa 坊，头顿市

工程内容
将现有护岸及作业平台改造升级为 5,000 DWT 码头

工期
已竣工 09/2024

已竣工 · 06/2023 · 总承包商

VARD Vũng Tàu 工厂扩建







业主
VARD Vũng Tàu 有限责任公司

合同额
1,051.3亿越南盾

地点
6号路，Đông Xuyên 工业区，Rạch Dừa 坊，头顿市

工程内容
Mega Block 钢材堆场、船舶下水滑道、Micro Panel（混凝土地坪+排水）、油罐清洗场、Amigos 2 车间升级、船舶总装车间地基处理及混凝土浇筑

工期
已竣工 06/2023

已竣工 · 06/2026 · 总承包商

护岸工程 — An Phước Sài Gòn 居民区



196.4
亿越南盾





业主
Sài Gòn Xanh 进出口股份公司

地点
Cần Giuộc 社，西宁省

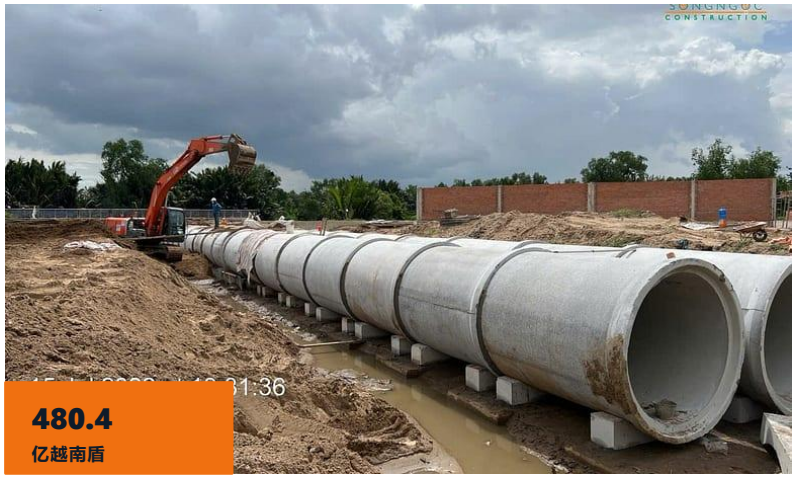
合同额
196.4亿越南盾

工程内容
基础设施及护岸工程施工

工期
已竣工 06/2026

已竣工 · 03/2022 · 分包商

Rạch Bà Lớn 护岸工程 — 胡志明市经济金融大学



480.4
亿越南盾





业主
胡志明市经济金融大学

地点
11A 区，第11功能区，南城新城区，Bình Hưng 社，Bình Chánh 县

合同额
480.4亿越南盾

工程内容
Rạch Bà Lớn 护岸工程施工

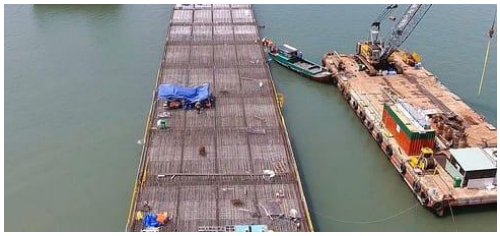
工期
已竣工 03/2022

已竣工 · 02/2021 · 分包商

Long Sơn 石化港（LSP）







业主
Long Sơn 炼油化工有限责任公司

地点
Long Sơn 社，头顿市

合同额
417.3 + 194.8亿越南盾

工程内容
材料供应；引桥及码头结构钢筋混凝土施工

工期
已竣工 02/2021

已竣工 · 02/2023 · 总承包商

SP-ITC 国际集装箱港







业主
国际运输贸易股份公司（ITC）

地点
Phú Hữu 坊，Thủ Đức 市，胡志明市

合同额
203.7亿越南盾

工程内容
第11段（长 60 m）及扩建段（30 m）

工期
已竣工 02/2023

已竣工 · 06/2024 · 分包商

内河码头 — Thagri Long An 饲料厂



360.5
亿越南盾





业主
Thagri Long An 饲料有限责任公司

地点
P 地块，Nhựt Chánh 工业区，Bến Lức 县，隆安省

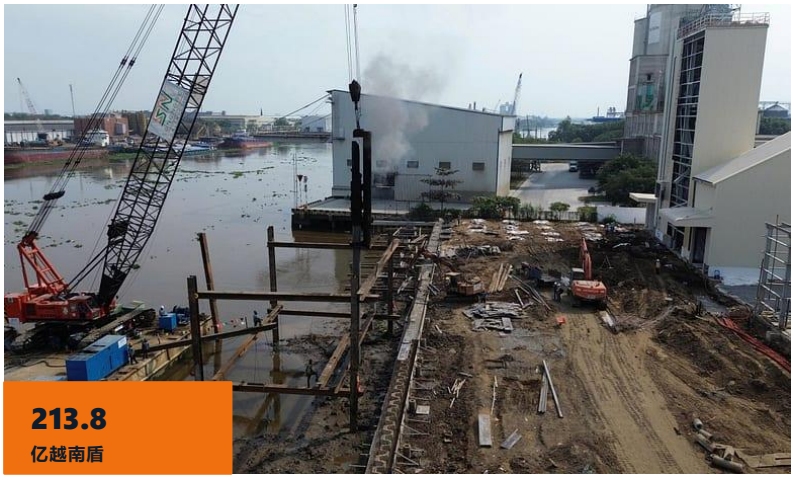
合同额
360.5亿越南盾

工程内容
清除受损结构，施工护岸及内河码头

工期
已竣工 06/2024

已竣工 · 07/2024 · 分包商

道路及内河码头 — Gold Coin Feedmill Long An



213.8
亿越南盾





业主
Gold Coin Feedmill Đồng Nai 有限责任公司 – 隆安分公司

地点
KB1–KB2 地块，Nhựt Chánh 工业区，Bến Lức 县，隆安省

合同额
213.8亿越南盾

工程内容
道路及内河码头施工

工期
已竣工 07/2024



5.2

工厂与工业

8 个项目 · 2,820亿越南盾

钢结构及混凝土厂房、工业区基础设施——从场地平整、基础、结构到装修；承接从设计到交付的 EPC 一体化施工。

- TMVI Bắc Ninh 服装厂
- Việt Pan – Pacific Thanh Hóa 服装厂（三期）
- Greenpro 涂料、防水及建材厂
- GAP AGRO 工厂
- Hưng Thành Sơn 工厂
- Amigos 1 车间扩建 — VARD Vũng Tàu
- 芹苴辐照厂
- Louvre 高档织物印染厂

施工中 · 2026

TMVI Bắc Ninh 服装厂



TMVI Bắc Ninh 服装厂效果图（2层主生产楼）

业主
TMVI 生产有限责任公司

地点
CN-1.1 地块，Việt Hàn 工业区，Việt Yên 坊，北宁省

SONG NGỌC 的角色
全包施工承包商 — Song Ngọc

工程内容
从场地平整到装修及设备安装

规模
占地 25,056 m^2 · 建筑面积 14,936.83 m^2

工期
施工中

2层主生产楼（楼面 18,301.94 m^2）、含摩托车停车场的食堂 4,768.5 m^2、泵站及地下水池、2,500 kVA 变电站、污水处理站、门卫室、大门、围墙及内部道路系统、绿化、消防。







开工典礼 · TMVI Bắc Ninh 服装厂

TMVI Bắc Ninh：开工典礼与施工现场













开工典礼在北宁省 Việt Hàn 工业区举行，业主代表及各参建单位出席。第 03/2026/XD-TMVI-SN 号合同涵盖从场地平整到装修及设备安装的全部工作。

已竣工 · 2025

Việt Pan – Pacific Thanh Hóa 服装厂（三期）



509.6
亿越南盾 · 合同额

Việt Pan – Pacific Thanh Hóa 服装厂（三期）— 清化省

业主
TMVT 生产有限责任公司

地点
233号 Phố Cống 路，Ngọc Lặc 镇，清化省

SONG NGỌC 的角色
EPC总承包商 — Song Ngọc

工程内容
3号厂房设计 – 法律手续 – 施工

工期
已竣工 2025

3号厂房，占地 15 ha。Song Ngọc 全权承担从设计、法律手续到施工的全部工作。







已竣工 · 2026

Greenpro 涂料、防水及建材厂



501.1
亿越南盾 · 合同额

Greenpro 涂料、防水及建材厂 — 岘港市

业主
Greenpro Material 股份公司

地点
6号地块，Bắc Chu Lai 工业区，Núi Thành 社，岘港市

SONG NGỌC 的角色
总承包商 — Song Ngọc

工程内容
成品仓库；01号生产车间；腻子粉车间；工业涂料车间；瓷砖胶车间

工期
已竣工 2026

涂料、腻子粉及瓷砖胶生产车间群，占地 24,000 m²。预制钢结构配钢筋混凝土基础，多个车间同步施工。







已竣工 · 05/2025 · 总承包商

GAP AGRO 工厂







业主
GAP AGRO 有限责任公司

地点
F14、F15、F16-1 地块，3号路，Đức Hòa 3 – Hồng Đạt 工业区，Đức Lập Hạ 社，Đức Hòa 县，隆安省

合同额
951.6亿越南盾

工程内容
工厂设计与施工

工期
已竣工 05/2025

施工中 · 2026 · EPC总承包

Hưng Thành Sơn 工厂







业主
Hưng Thành Sơn 有限责任公司

地点
Diên Sanh 工业区群，Hải Lăng 县，广治省

合同额
300亿越南盾

工程内容
钢铝及塑料制品机械加工车间施工

工期
施工中

已竣工 · 2025 · 总承包商

Amigos 1 车间扩建 — VARD Vũng Tàu







业主
VARD Vũng Tàu 有限责任公司

地点
6号路，Đông Xuyên 工业区，Rạch Dừa 坊，头顿市

合同额
125.7亿越南盾

工程内容
Amigos 1 厂房扩建

工期
已竣工 2025

已竣工 · 07/2024 · 总承包商

新办公楼 — VARD Vũng Tàu







业主
VARD Vũng Tàu 有限责任公司

地点
6号路，Đông Xuyên 工业区，Rạch Dừa 坊，头顿市

合同额
103.3亿越南盾

工程内容
新建办公楼，并升级改造现有办公楼

工期
已竣工 07/2024

已竣工 · 11/2024 · 分包商

芹苴辐照厂







业主
芹苴辐照股份公司

地点
Phú Thắng 片区 2号，Tân Phú 坊，Cái Răng 区，芹苴市

合同额
175.4亿越南盾

工程内容
材料供应及装修施工

工期
已竣工 11/2024

已竣工 · 09/2023 · 分包商

Louvre 高档织物印染厂







业主
Louvre 纺织有限责任公司

地点
Thành Thành Công 工业区，An Hòa 坊，Trảng Bàng 市，西宁省

合同额
261.2亿越南盾

工程内容
染色车间施工

工期
已竣工 09/2023

已竣工 · 03/2022 · 分包商

Fortunate Fashion（香港）越南服装厂







业主
Fortunate（香港）越南时装有限责任公司

地点
Thành Thành Công 工业区，Trảng Bàng 市，西宁省

合同额
187.1亿越南盾

工程内容
1号厂房

工期
已竣工 03/2022

已竣工 · 05/2019 · 分包商

Jakob 工厂 — VSIP 2A







业主
Jakob Sài Gòn 有限责任公司

地点
VSIP 2A 工业区，平阳省

合同额
106.2亿越南盾

工程内容
压桩；钢筋、模板、混凝土结构

工期
已竣工 05/2019

已竣工 · 2019 · 分包商

Techbond MFG Việt Nam 胶粘剂厂



74.8
亿越南盾





业主
Techbond MFG Việt Nam 公司

地点
越南–新加坡 II-A 工业区，Vĩnh Tân 社，Tân Uyên 市，平阳省

合同额
74.8亿越南盾

工程内容
车间、包装仓库、污水池

工期
已竣工 2019

已竣工 · 06/2020 · 分包商

污水处理池 — Sunrise 工厂



166.5
亿越南盾





业主
Sunrise 纺织服装有限责任公司

地点
Thành Thành Công 工业区，Trảng Bàng 市，西宁省

合同额
166.5亿越南盾

工程内容
污水处理池施工

工期
已竣工 06/2020

已竣工 · 01/2021 · 分包商

南方石化综合体（LSP）运营办公楼







业主
Long Sơn 炼油化工有限责任公司

地点
Long Sơn 社，头顿市

合同额
149.6亿越南盾

工程内容
办公区、门卫室、摩托车棚、汽车库的结构及建筑施工

工期
已竣工 01/2021

已竣工 · 01/2021 · 分包商

管道预制车间 — 南方石化综合体（A1 标段）







业主
Long Sơn 炼油化工有限责任公司

地点
Long Sơn 社，头顿市

合同额
88.2亿越南盾

工程内容
A1 标段管道预制车间

工期
已竣工 01/2021



5.3

能源与油气

6 个项目 · 1,660亿越南盾

海上及沿海风机基础、火电厂预制涵洞、油气平台制造服务——对技术与安全要求最高的工程。

- Trà Vinh V1.3 风电场
- Cà Mau 1 风电场
- Lạc Hòa 2 风电场
- Hòa Bình 1 风电场
- Vũng Áng II 火电厂
- B 区块气田平台陆上建造 — Vietsovpetro

已竣工 · 10/2021 · 分包商

Trà Vinh V1.3 风电场



283.5
亿越南盾





业主
REE 集团

地点
Trường Long Hòa 社，Duyên Hải 市，茶荣省

合同额
283.5亿越南盾

工程内容
风机基础

工期
已竣工 10/2021

已竣工 · 10/2022 · 分包商

Cà Mau 1 风电场



126.4
亿越南盾





业主
WTO 建设贸易股份公司

地点
Đầm Dơi 县，金瓯省

合同额
126.4亿越南盾

工程内容
风机基础

工期
已竣工 10/2022

已竣工 · 12/2022 · 分包商

Lạc Hòa 2 风电场







业主
T&T 集团股份公司

地点
Lạc Hòa 社，Vĩnh Châu 市，朔庄省

合同额
405.8亿越南盾

工程内容
风机基础施工

工期
已竣工 12/2022

已竣工 · 08/2021 · 分包商

Hòa Bình 1 风电场







业主
Hòa Bình 1 风电股份公司

地点
Vĩnh Hậu A 社，Hòa Bình 县，薄辽省

合同额
386.1 + 209.6亿越南盾

工程内容
桥墩盖梁、引桥桥台、减载板；风机墩台；运营办公楼、员工宿舍楼、食堂、仓库

工期
已竣工 08/2021

已竣工 · 08/2024 · 分包商

Vũng Áng II 火电厂



187.9
亿越南盾





业主
Vũng Áng II 火电公司

地点
Kỳ Lợi 社，Kỳ Anh 县，河静省

合同额
187.9亿越南盾

工程内容
预制涵洞施工

工期
已竣工 08/2024

施工中 · 2026 · 总承包商

B 区块气田平台陆上建造 — Vietsovpetro



60.3
亿越南盾





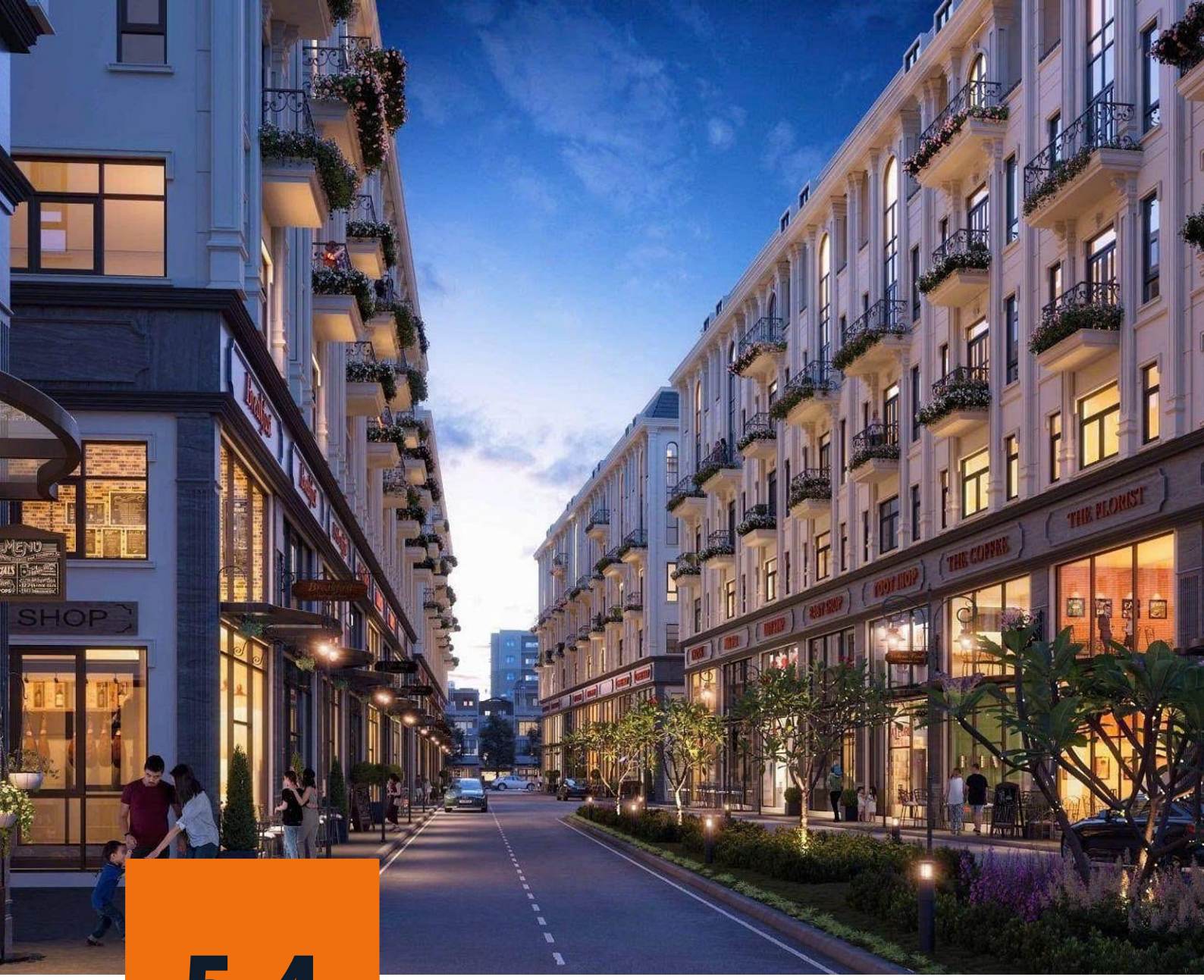
业主
越俄合资企业 Vietsovpetro

地点
Vietsovpetro 港，30/4 路 69号，Rạch Dừa 坊

合同额
60.3亿越南盾

工程内容
提供平台建造服务（生活模块）

工期
施工中



5.4

民用与特殊工程

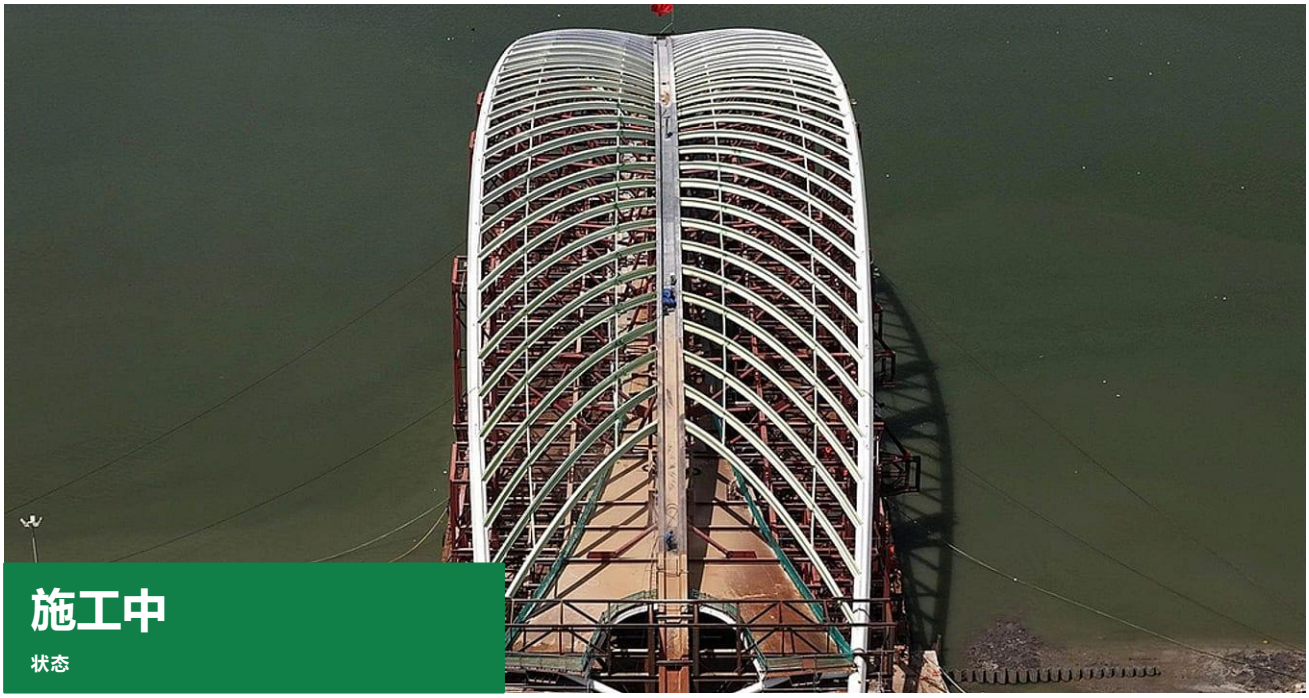
6 个项目 · 570亿越南盾

住宅、办公楼、酒店、娱乐区及标志性工程——Song Ngọc 将钢结构、混凝土与室内外装修融为一体。

- 西贡河人行桥 — 工艺平台
- Hồng Thuận Phong 商品住宅 — 一期
- Tân Bình 公寓项目样板房及管理办公楼
- Golfzon 综合娱乐区 — 平阳新城
- Galavina 酒店 — 岘港
- Đại Dũng Vũng Tàu 高科技机械厂

施工中 · 2026

西贡河人行桥 — 工艺平台



施工中

状态

西贡河人行桥 — 钢拱结构，工艺平台工程

业主
胡志明市重点基础设施项目

地点
连接胡志明市中心（第1郡）与 Thủ Thiêm 新城区

SONG NGỌC 的角色
Đại Dũng Vũng Tàu（总承包商）的分包商

工程内容
工艺平台工程施工

工期
施工中

该市标志性基础设施项目之一，直接连接现有市中心与 Thủ Thiêm。总承包商 Đại Dũng Vũng Tàu 信任 Song Ngọc，将工艺平台工程交其承担，该工程在技术、安全及美观方面均要求严苛。







施工中 · 2026

Hồng Thuận Phong 商品住宅 — 一期



Hồng Thuận Phong 商品住宅 — 一期 — 西宁省

业主
Hồng Thuận Phong 商品住宅项目

地点
Cần Giuộc 社，西宁省

SONG NGỌC 的角色
总承包商 — Song Ngọc

工程内容
技术基础设施

规模
10 ha

工期
施工中

为位于西宁省 Cần Giuộc、占地 10 ha 的商品住宅区施工技术基础设施工程。







已竣工 · 03/2025 · 总承包商

Tân Bình 公寓项目样板房及管理办公楼



82.7
亿越南盾





业主
Phúc Gia An 房地产投资有限责任公司

地点
Trần Hưng Đạo 路 247–249号，Đông Hòa 坊，Dĩ An 市，平阳省

合同额
82.7亿越南盾

工程内容
混凝土结构及钢结构施工

工期
已竣工 03/2025

已竣工 · 11/2024 · EPC总承包

Golfzon 综合娱乐区 — 平阳新城



200
亿越南盾





业主
Natural Beauty Korea (NBK) 有限责任公司

地点
Hùng Vương 路 1336号，Phú Mỹ 坊，Thủ Dầu Một 市，平阳省

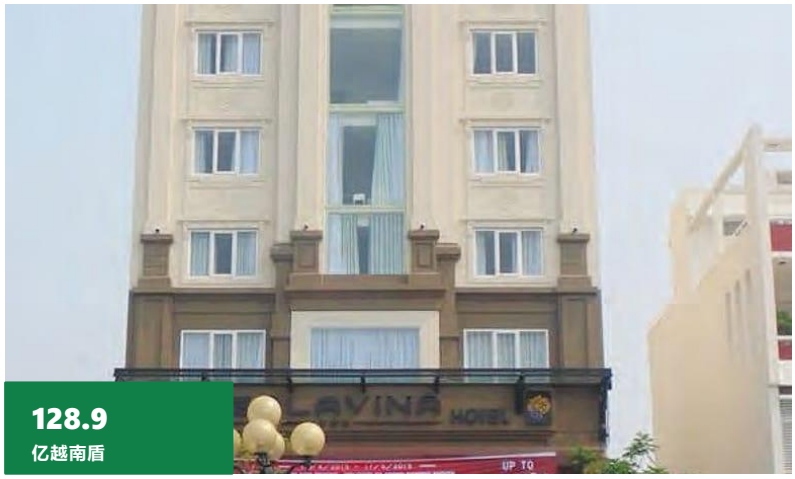
合同额
200亿越南盾

工程内容
室内外装修施工及设备安装

工期
已竣工 11/2024

已竣工 · 2015 · 分包商

Galavina 酒店 — 岘港







业主
Galavina 公司

地点
Võ Văn Kiệt 路 B-12 区 05-06-07号，Sơn Trà 区，岘港市

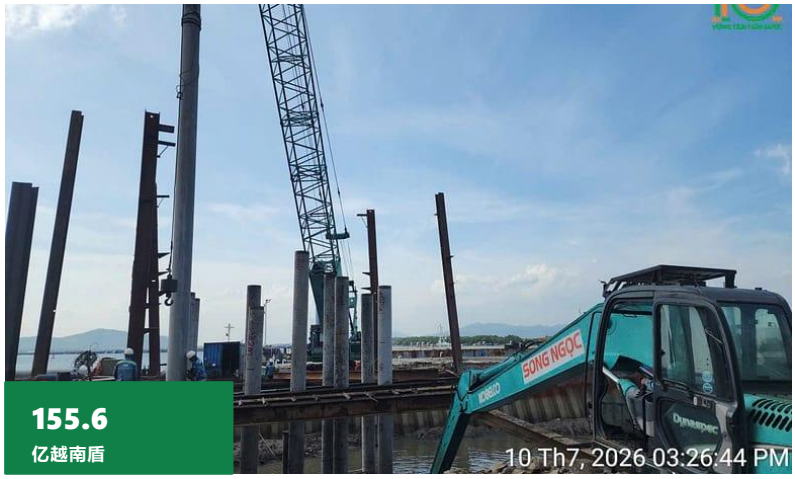
合同额
128.9亿越南盾

工程内容
设计与施工

工期
已竣工 2015

施工中 · 2026 · 总承包商

Đại Dũng Vũng Tàu 高科技机械厂







业主
Đại Dũng 造船股份公司

地点
12号路，Đông Xuyên 工业区，Rạch Dừa 坊

合同额
155.6亿越南盾

工程内容
D500 桩施工及拉森钢板桩打拔

工期
施工中

CLIENTS & PARTNERS

众多业主与总承包商信赖的合作伙伴



名单不分先后。标识版权归各单位所有。

RECOGNITION

业主与总承包商的认可



FECON · REE — 安全表彰，Trà Vinh V1-3 风电场（2021）



FECON — 五大合作伙伴，2022年客户与合作伙伴大会



Phương Anh — 杰出贡献承包商，Hòa Bình 1–2 风电场（2021）



POSCO E&C — 安全表彰，Long Sơn 石化综合体港口（2019–2020）



VARD Vũng Tàu — 完工证书：安全 – 质量 – 进度



Gold Coin Feedmill Long An — 项目贡献表扬信（2023–2024）



SP-ITC — 项目完工证书（08/2022 – 04/2023）



THACO AGRI – Thagri Long An — 项目完工证书



HUTECH — 感谢信（ESR2023 科学研讨会）









CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY

社会责任：与社区同行共享













Song Ngọc 深知社会责任的重要性：这是维系员工归属感的基本要素之一，同时有助于提升社区的环保意识，推动公益慈善活动。

WE ARE ONE

我们是一个整体：凝心聚力，共创成功













团建活动、足球赛、定期体检、年终聚餐及成立十周年庆典——Song Ngọc 的企业文化，源自全体员工共同参与的各项活动。

GROUNDBREAKING CEREMONIES

开工印记：每项工程始于一份承诺





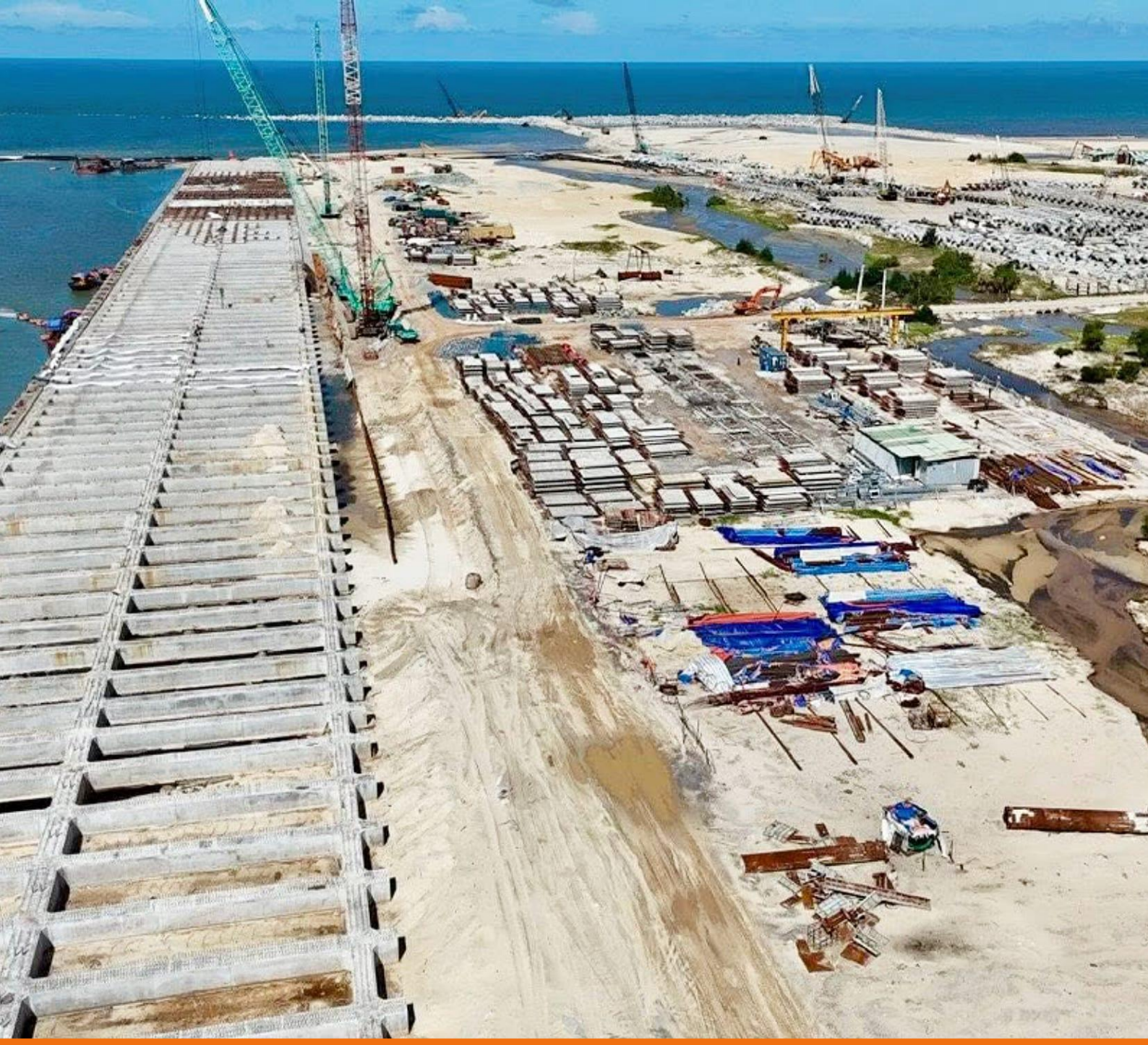








Minh Phú 1、Mỹ Thủy、Bàn Thạch、芹苴辐照厂、Gold Coin、Rạch Bà Lớn、VARD Vũng Tàu……每一次开工典礼，都是 Song Ngọc 向业主作出的质量、进度与安全承诺。



SONGNGOC CONSTRUCTION

诚挚感谢

Thank you

感谢各位客户与合作伙伴信任并携手 Song Ngọc。我们承诺继续不负这份信任——质量铸就信任。

OFFICES & CONTACT

Song Ngọc 办公机构

总部

VP-2-09，2楼，St. Moritz 大厦，
Phạm Văn Đồng 路 1014 号，Hiệp Bình 坊，胡志明市

Tel: 0868 937 699
songngoc.stmc@gmail.com · songngoc@sncc.vn

中部代表处

3/2 路 36号，Diên Sanh 镇，
Hải Lăng 县，广治省

SONG NGỌC – LÀO SOLE CO., LTD.

Mid Lam Khap 社，Sakhmam Khai 市，
阿速坡省，老挝

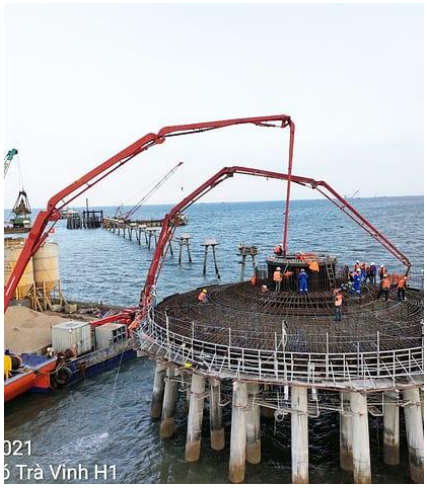
Tel: (+856) 0291 605 232
songngoc.lao@sncc.vn

扫码访问官网

songngoc.vn







SONG NGỌC 机械建筑有限责任公司

SONG NGOC MECHANICAL CONSTRUCTION CO., LTD.

总部：VP-2-09，2楼，St. Moritz 大厦，Phạm Văn Đồng 路 1014 号，Hiệp Bình 坊，胡志明市
电话：0868 937 699 · songngoc.stmc@gmail.com · songngoc@sncc.vn
Website: songngoc.vn

中部代表处：3/2 路 36号，Diên Sanh 镇，Hải Lăng 县，广治省
Song Ngọc – Lào Sole Co., Ltd.：Mid Lam Khap 社，Sakhmam Khai 市，阿速坡省，老挝。Tel (+856) 0291 605 232 · songngoc.lao@sncc.vn

质量铸就信任 · Quality Builds Trust
ISO 9001:2015 · ISO 45001:2018

songngoc.vn